

Bản án số: 26/2021/HS-ST
Ngày: 22/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T X T C, TỈNH A G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm M S

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Q D;
2. Ông Nguyễn T P.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Q K – Thư ký Tòa án nhân dân t x T C, tỉnh A G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân t x T C, tỉnh A G tham gia phiên tòa:
Ông Trần Q T- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 17/11/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/TB-TA ngày 26/11/2021, đối với bị cáo:

Đ A D, sinh ngày 27/8/1984; Nơi sinh: T C – A G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ V Đ, sinh năm 1952 và bà Đ T Đ(đã chết); Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; Vợ: Trần Thị Ngọc Giàu, sinh năm 1986; Con có 01 người, sinh năm 2016.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh A G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Đến ngày 15/4/2021, chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T C từ ngày 23/8/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông N V G, sinh năm 1974; Nơi cư trú: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Ông H V P, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ 06, khóm L H 2, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đ T T T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: khóm L H 2, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt);

- Ông Đỗ V Đ, sinh năm 1952; Nơi cư trú: khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Đ T N T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, Đ A D đã nhiều lần lấy trộm tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 12/8/2021, sau khi mua cháo, D điều khiển xe đạp đi qua khu vực khóm L T A, phường L T, thị xã T C, thấy nền đất trống có rào lưới B40 của ông N V G, bên trong có nhiều cây mai kiểng nên D nảy sinh ý định lấy trộm mai bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, D mở cửa rào, đi vào trong và dùng tay nhỏ lấy 01 cây mai bông vàng, hình thú. Sau đó, D tìm xung quanh thấy 01 cái bao nilon nên để cây mai vào trong bao nilon và điều khiển xe đạp chở cây mai đến nhà của chị Đ T T T tại khóm L H 1, phường L S, thị xã T C, để cất giấu bên hông nhà, rồi đi về. Đến sáng cùng ngày, D đi đến nhà chị T nói gửi cây mai, do không biết tài sản trộm cắp nên chị T đồng ý giữ gìn. Riêng, ông G phát hiện bị mất trộm cây mai đã trình báo Công an p L T. Qua xác minh, lực lượng Công an mời D làm việc, D đã thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản nêu trên.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 21/8/2021, D đi bộ từ nhà đến nhà của Đ T N T tại phường L S, thị xã T C, để lấy tiền. Khi đi đến khu vực khóm L H 2, phường L S, thị xã T C, D thấy 01 xe mô tô, loại Airblade, màu đỏ - bạc - đen, biển kiểm soát 60Y5-0617 của ông H V P đang dựng phía trước nhà, cặp lề đường tỉnh lộ 954, không có người trông coi. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 22/8/2021, sau khi sử dụng ma túy, D nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên nên đi bộ từ nhà đến chỗ dựng xe, thì thấy xe vẫn còn tại vị trí cũ. Lúc này, D quan sát xung quanh thấy không có người và kiểm tra xe thấy không khóa cổ nên lấy trộm xe dẫn bộ đến khu vực vườn chuối, nằm phía sau tiệm sửa xe “Tý” thuộc khóm L T A, phường L T, thị xã T C, để cất giấu. Sau đó, D đi về nhà lấy 01 biển kiểm soát xe 68D1-488.82, đã nhặt được trước đó và 01 cây kèm, 01 cây khóa, 01 cây tua vít, 01

cuộn băng keo đen, mang đến chỗ cất giấu xe, mục đích thay biển kiểm soát và nối dây nguồn để khởi động xe, mang đi bán nhưng do trời tối nên D không thực hiện được. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, ông P phát hiện xe mô tô bị mất trộm nên đến trình báo Công an p L S. Cơ quan điều tra tiến hành mời D làm việc, D đã thừa nhận hành vi lấy trộm và chỉ nơi cất giấu xe mô tô cho cơ quan điều tra tạm giữ.

Ngày 23/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an t x T C, khởi tố Đ A D về tội “Trộm cắp tài sản”.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe mô tô, loại Airblade, màu đỏ - bạc – đen, biển kiểm soát 60Y5-0617 (đã qua sử dụng).

- 01 cây mai bông vàng, hình thú, hoành cây ở vị trí lớn nhất là 25cm, hoành cây ở vị trí nhỏ nhất là 25cm, tán cây rộng 38cm, vị trí từ đất đến đỉnh cây là 50cm.

- 01 cái bao nilon màu trắng, trên bao có chữ “CÔNG TY TNHH HÙNG DUY” màu đỏ và hình con ngựa màu đỏ (đã qua sử dụng).

- 01 cây khóa mở ổ bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng).

- 01 cây kềm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ (đã qua sử dụng).

- 01 cuộn băng dính màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 cây tua vít, có cán bằng nhựa màu trắng (đã qua sử dụng).

- 01 biển kiểm soát xe mô tô 68D1-488.82.

- 01 đôi dép quai kẹp, bằng nhựa và xốp (đã qua sử dụng).

- 01 cái nón kết lưỡi trai, bằng vải màu đen (đã qua sử dụng).

- 01 cái áo thun dài tay màu đen (đã qua sử dụng).

- 01 cái quần Jean nam lưng màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 chiếc xe đạp kiểu nữ, màu xám trắng, yên xe màu đen, có rổ phía trước bằng nhựa màu đen, có yên chõ phía sau bằng kim loại (đã qua sử dụng).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 107 ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự t x T C, kết luận:

01 xe mô tô, loại Airblade, màu đỏ - bạc – đen, biển kiểm soát 60Y5-0617 (đã qua sử dụng), trị giá 8.500.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 111 ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự t x T C, kết luận:

- 01 cây mai bông vàng, hình thú, hoành cây ở vị trí lớn nhất là 25cm, hoành cây ở vị trí nhỏ nhất là 25cm, tấng cây rộng 38cm, vị trí từ đất đến đỉnh cây là 50cm, trị giá 4.000.000 đồng.

- 01 cái bao nilon màu trắng, trên bao có chữ “CÔNG TY TNHH HÙNG DUY” màu đỏ và hình con ngựa màu đỏ (đã qua sử dụng), trị giá 500 đồng.

Tổng trị giá: 4.000.500 đồng.

Cáo trạng số 81/CT-VKSTC ngày 02 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C đã truy tố bị cáo Đ A D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo Đ A D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại ông H V P, ông N V G; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ V Đ và chị Đ T T T; người làm chứng Đ T N T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đ A D về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ A D mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về hình phạt bổ sung và xử lý vật chứng.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Đ A D bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T C khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khóm L T A,

phường L T, thị xã T C và tại khóm L H 2, phường L S, thị xã T C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân t x T C, tỉnh A G.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an t x T C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân t x T C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: bị hại ông H V P vắng mặt, ông N V G vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ V Đ và chị Đ T T T; người làm chứng chị Đ T N T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 12/8/2021, bị cáo D có lấy trộm một cây Mai kiểng của ông N V G tại khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G, sau khi nhổ được cây mai bị cáo bỏ vào cái bao nilong sau đó đem cất giấu tại nhà chị Đ T T T như nội dung vụ án đã nêu. Tài sản bị cáo lấy trộm trị giá 4.000.500 đồng (bốn triệu không trăm không chục nghìn năm trăm đồng) theo biên bản định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự t x T C, tỉnh A G.

Lần thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 22/8/2021, bị cáo D có lấy trộm 01 xe mô tô, loại Airblade, màu đỏ - bạc - đen, biển kiểm soát 60Y5-0617 của ông H V P để ở khu vực khóm L H 2, phường L S, thị xã T C, sau đó bị cáo đem xe đến khu vực vườn chuối, nằm phía sau tiệm sửa xe “Tý” thuộc khóm L T A, phường L T, thị xã T C để cất giấu. Tài sản bị cáo lấy trộm trị giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên bản định giá tài sản số 107/KL-HĐĐG.TTHS ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự t x T C, tỉnh A G.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đ A D đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông N V G trị giá 4.000.500 đồng và lấy trộm tài sản của ông H V P trị giá 8.500.000 đồng đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến Dưới 50.000.000 đồng hoặc Dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2....

3....

4....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Do đó, Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C truy tố hành vi phạm tội của bị cáo D về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng do xuất phát từ bản tính tham lam, nghiện ma túy, lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông N V G và ông H V P một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã

hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo D đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 04 tiền án, năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện T C xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện T C xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; năm 2008, bị Tòa án nhân dân Q 8, t p H C M xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2018 bị Tòa án nhân dân t x T C, tỉnh A G xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền sự, ngày 12/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh A G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đến ngày 15/4/2021, chấp hành xong. Lẽ ra bị cáo phải sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân tốt nhưng bị cáo không làm được điều đó và tiếp tục thực hiện việc phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô, loại Airblade, màu đỏ - bạc – đen, biển kiểm soát 60Y5-0617 (đã qua sử dụng).

- 01 cây mai bông vàng, hình thú, hoành cây ở vị trí lớn nhất là 25cm, hoành cây ở vị trí nhỏ nhất là 25cm, tán cây rộng 38cm, vị trí từ đất đến đỉnh cây là 50cm.

- 01 cái bao nylon màu trắng, trên bao có chữ “CÔNG TY TNHH HÙNG DUY” màu đỏ và hình con ngựa màu đỏ (đã qua sử dụng).

Các vật chứng này các bị hại đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 cây khóa mở ốc bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng).
- 01 cây kềm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ (đã qua sử dụng).
- 01 cuộn băng dính màu xanh (đã qua sử dụng).
- 01 cây tua vít, có cán bằng nhựa màu trắng (đã qua sử dụng).
- 01 biển kiểm soát xe mô tô 68D1-488.82.
- 01 đôi dép quai kẹp, bằng nhựa và xốp (đã qua sử dụng).
- 01 cái nón kết lưỡi trai, bằng vải màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 cái áo thun dài tay màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 cái quần Jean nam lưng màu xanh (đã qua sử dụng).

Các vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 biển kiểm soát xe mô tô số 68D1-488.82 của bà T H, trú tại: ấp S T, xã N T S, huyện H Đ, tỉnh K G là người đứng tên, qua xác minh bà T H không có mặt ở địa phương, không biết đang ở đâu và làm gì. Do đó, Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy là có căn cứ.

- 01 chiếc xe đạp kiểu nữ, màu xám trắng, yên xe màu đen, có rổ phía trước bằng nhựa màu đen, có yên chở phía sau bằng kim loại (đã qua sử dụng).

Xét thấy, chiếc xe đạp này là của ông Đỗ V Đ, bị cáo D đã dùng vào thực hiện hành vi phạm tội thì ông Đực hoàn toàn không biết, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho ông Đỗ V Đ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại ông N V G và ông H V P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: Chị Đ T T T đã có hành vi nhận giữ cây Mai bông vàng do bị cáo Đ A D lấy trộm. Tuy nhiên, chị T không biết đây là tài sản do bị cáo D phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã T C không xử lý hành vi này đối với chị T là có căn cứ.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, nhân thân, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Đ A D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: bị cáo Đ A D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Đ A D 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 23/8/2021.

2. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) cây khóa mở ốc bằng kim loại màu trắng (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cây kèm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cuộn băng dính màu xanh (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cây tua vít, có cán bằng nhựa màu trắng (đã qua sử dụng).
- 01 (một) đôi dép quai quai, bằng nhựa và xốp (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cái nón kết lưới trai, bằng vải màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cái áo thun dài tay màu đen (đã qua sử dụng).
- 01 (một) cái quần Jean nam lửng màu xanh (đã qua sử dụng).

Trả lại tài sản cho ông Đỗ V Đ: 01 (một) chiếc xe đạp kiểu nữ, màu xám trắng, yên xe màu đen, có rổ phía trước bằng nhựa màu đen, có yên chõ phía sau bằng kim loại (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an t x T C, tỉnh A G với Chi cục Thi hành án dân sự t x T C, tỉnh A G).

3. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Đ A D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.*

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND tỉnh A G;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh A G;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Công an TX.Tân Châu;
- Nhà Tạm giam (nếu có);
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND xã, phường (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa (nếu có);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm M S